

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH Y**

Bản án số: 45/2020/HNGĐ- ST

Ngày 27-8-2020

V/v chia khoản nợ

chung sau ly hôn

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L- TỈNH Y
*Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Hoàng Văn Công

- Bà Bùi Bích Thủy

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Linh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa: Bà Diễm Thị Thanh Tuyền- Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 111/2020/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2020 về việc chia nợ chung sau ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 04-8-2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 37/2020/QĐST-HNGĐ ngày 13-8-2020 giữa;

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Y- Có mặt.

Bị đơn: Anh Hoàng Văn H1, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Thôn Bản R, xã T, huyện L, tỉnh Y- Vắng mặt

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách xã hội- Đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Quốc T- Giám đốc phòng giao dịch huyện L, tỉnh Y.

Địa chỉ: Tổ 3, thị trấn Y, huyện L, tỉnh Y- Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và biên bản ghi lời khai ngày 12 tháng 6 năm 2020 nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị H và anh Hoàng Văn H1 đã được Tòa án nhân dân huyện L giải quyết ly hôn bằng bản án số 04/2020/HNGĐ- ST ngày 28-02-2020. Quyết định của bản án xử cho chị H được ly hôn anh H1, anh H1 được nuôi các con chung và chị H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung.

Còn về khoản nợ chung chị H và anh H1 tự thỏa thuận, nhưng đến nay không thỏa thuận được. Chị H đề nghị Tòa án chia khoản nợ chung. Chị H và anh H1 có vay tiền của ngân hàng chính sách xã hội huyện L hai khoản tiền như sau:

1- Vay để sản xuất kinh doanh ngày 07-4-2018 số tiền 40.000.000 đồng.

2- Vay làm công trình nước sạch ngày 22-5-2018 số tiền 12.000.000 đồng.

Trong đó: Khoản tiền vay 40.000.000 đồng chị H đưa cho anh H1 20.000.000 đồng sử dụng vào việc của gia đình, còn 20.000.000 đồng em dâu anh H1 tên là Nguyễn Thị Hồng N vay lại. Đến năm 2019 chị Nguyễn Thị Hồng N đã trả 20.000.000 đồng này cho anh H1 sử dụng vào việc gia đình; khoản tiền vay 12.000.000 đồng chị H đưa cho anh H1 sử dụng vào việc gia đình. Bản thân chị H không được sử dụng riêng số tiền trên. Vì vậy chị H đề nghị Tòa án xác minh làm rõ buộc anh H1 phải cùng có trách nhiệm trả nợ đối với các khoản vay này.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Y đã ra văn bản thông báo và triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng anh Hoàng Văn H1 đều vắng mặt nên Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai của ông Dương Quốc T- giám đốc là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Ngày 07-4-2018 Phòng giao dịch ngân hàng chính sách huyện L đã giải ngân cho chị Nguyễn Thị H vay số tiền 40.000.000 đồng, cho vay hộ sản xuất kinh doanh vùng khó khăn, lãi suất 9%/năm, thời hạn cho vay 60 tháng; ngày 22-5-2018 giải ngân số tiền 12.000.000 đồng, chương trình cho vay nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn, lãi suất 9%/năm, thời hạn cho vay 60 tháng. Món vay trên do chị Nguyễn Thị H đứng tên người vay và người thừa kế anh Hoàng Văn H1, quan hệ với người vay là cH. Cho đến nay chị Nguyễn Thị H còn nợ tổng số tiền 52.000.000 đồng.

Trường hợp chị Nguyễn Thị H và anh Hoàng Văn H1 ly hôn và đưa khoản nợ ra tòa. Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện L đề nghị Tòa án nhân dân huyện L xét xử yêu cầu chị Nguyễn Thị H phải có trách nhiệm trả nợ cho phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện L 52.000.000 đồng và số tiền lãi phát sinh. Nay vì công việc của Phòng giao dịch ngân hàng huyện L rất bận đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt ngân hàng

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tại phiên tòa hôm nay phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật Thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần thực hiện nguyên tắc xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật. Nguyên đơn đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn đã được triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt của bị đơn.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 27, 59, 60 luật Hôn nhân và gia đình; điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 xử: Chị H phải trả nợ 52.000.000 đồng và lãi suất phát sinh cho Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xa

hội huyện L; Anh H1 phải có trách nhiệm trả cho chị H 26.000.000 đồng; chị H và anh H1 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

{1} *Về thủ tục tố tụng:* Tranh chấp về chia nợ chung sau ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án nhân dân huyện L là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên Tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án đã tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt của bị đơn.

{2} *Về tư cách người tham gia tố tụng:* Tòa án xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

{3} *Về khoản nợ chung:* Trong thời kỳ hôn nhân còn tồn tại giữa chị Nguyễn Thị H và anh Hoàng Văn H1 có vay tiền tại phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện L hai lần: Lần 1 Vay để sản xuất kinh doanh ngày 07-4-2018 số tiền 40.000.000 đồng; lần 2 Vay làm công trình nước sạch ngày 22-5-2018 số tiền 12.000.000 đồng, tổng cộng 52.000.000 đồng là đúng thực tế.

Anh Hoàng Văn H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện chia đôi khoản nợ chung giữa chị H và anh H1. Hội đồng xét xử xét thấy: Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H đã xác định trong thời kỳ hôn nhân còn tồn tại giữa chị H và anh H1 có vay của phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện L tổng số tiền 52.000.000 đồng. Số tiền này chị H và anh H1 đã sử dụng chung vào công việc của gia đình. Về phía Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện L vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có ý kiến bằng văn bản yêu cầu chị H phải có trách nhiệm trả số tiền vay gốc 52.000.000 đồng theo hợp đồng và lãi suất phát sinh cho ngân hàng. Nay chị H và anh H1 đã giải quyết ly hôn, chị H yêu cầu chia đôi khoản nợ chung giữa chị H và anh H1 là có cơ sở. Áp dụng các Điều 27, 59, 60 Luật hôn nhân và gia đình xử: Chị H phải có trách nhiệm trả khoản tiền vay của ngân hàng chính sách xã hội huyện L số tiền gốc 52.000.000 đồng và tiền lãi theo hợp đồng; buộc anh H1 phải có trách nhiệm trả chị H 26.000.000 đồng.

{4} *Về án phí:*

- Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm phần trách nhiệm trả nợ 26.000.000 đồng x 5% = 1.300.000 đồng

- Anh Hoàng Văn H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm phần trách nhiệm trả nợ 26.000.000 đồng x 5% = 1.300.000 đồng

{5} *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào Điều 27, 59, 60 luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357 Bộ luật dân sự; các Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, 273, 280 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1- Về khoản nợ chung xử:

- Chị Nguyễn Thị H phải có trách nhiệm trả tiền vay của Ngân hàng chính sách xã hội- Phòng giao dịch huyện L, tỉnh Y hai khoản vay là 52.000.000 đồng (năm mươi hai triệu đồng) tiền gốc theo hợp đồng và lãi suất phát sinh.

- Anh Hoàng Văn H1 phải có trách nhiệm trả chị Nguyễn Thị H 26.000.000 đồng (hai mươi sáu triệu đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi xuất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi xuất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2- Về án phí:

- Chị Nguyễn Thị H phải chịu 1.300.000 đồng (một triệu ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về chia khoản nợ. Nhưng được trừ vào số tiền 1.300.000 đồng (một triệu ba trăm nghìn đồng) chị H đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số: AA/2017/0004717 ngày 28-5-2020 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Hoàng Văn H1 phải chịu 1.300.000 đồng (một triệu ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về chia khoản nợ

4- Quyền kháng cáo:

- Chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

- Anh Hoàng Văn H1 được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

- Ngân hàng chính sách xã hội- Phòng giao dịch huyện L, tỉnh Y được quyền kháng cáo phần liên quan trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TA Tỉnh Y;
- VKS L;
- CCTHA L;
- UBND xã T;
- Các đương sự (03);
- Lưu HS. TA

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Anh